TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2026
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Luận

2. Anh Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 25/3/1997; Số CCCD: 030197001828; ĐKHKTT: Tổ dân phố số C-B, phường C, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: 231 Số B đường B, quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản của chị S: Ông Lê Duy C, sinh năm 1974; Số CCCD: 030074016445; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn V, sinh ngày 11/7/1989; Số CCCD: 030089019650; địa chỉ: Tổ dân phố số C- B, phường C, thành phố Hải Phòng.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lê Duy C, sinh năm 1974; Số CCCD: 030074016445; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chị S, anh V, ông C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và thông qua gia đình, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Trần Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (N là phường C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 31/3/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2017 và giữa năm 2018 anh V và chị lần lượt sang Đài Loan lao động. Khi sang Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra. Vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã và xô xát. Đến năm 2022, vợ chồng chính thức sống ly thân, không quan tâm và ít liên lạc với nhau. Đến cuối tháng 10/2025, anh V về nước, chị vẫn lao động tại Đài Loan. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài; vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị được ly hôn với anh V. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 và Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017. Hiện tại, hai cháu đang sống cùng với anh V. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Quang L, còn giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Quang N. Chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con với nhau. Do hiện nay chị đang lao động ở Đài Loan nên chị đề nghị tạm giao cháu L cho bố đẻ chị là ông Lê Duy C nuôi dưỡng trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Do hiện nay chị ở xa nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa.

- Tại bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, bị đơn - anh Trần Văn V thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như chị S trình bày. Anh xác định trong quá trình chung sống, do quan điểm và tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân mấy năm nay. Hiện tại, anh đang ở Việt Nam, còn chị S vẫn lao động và sinh sống ở Đài Loan và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị S xin ly hôn, anh cũng nhất trí. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 và Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017. Hiện tại, cả hai con chung đều đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, còn giao cho chị S nuôi dưỡng cháu L theo nguyện vọng của các con. Anh và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Hiện tại, chị S đang đi lao động tại Đài Loan, có quan điểm đề nghị Tòa án tạm giao cháu Trần Quang L cho bố chị S là ông

Lê Duy C nuôi dưỡng trong thời gian chị S không có mặt ở nhà anh cũng hoàn toàn nhất trí. Hiện nay anh đang làm nghề tự do thu nhập hàng tháng khoảng từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại văn bản ngày 13/4/2026, cháu Trần Quang L trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ và ông N1; cháu Trần Quang N trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục được ở với bố.

- Ông Lê Duy C là bố đẻ của chị S trình bày: Sau khi kết hôn, anh V, chị S ở với gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, nhưng sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên mọi công việc trong cuộc sống không thống nhất được với nhau. Thời gian hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động tuy đều ở Đài Loan nhưng không sống chung cùng nhau mà sống ly thân. Hiện nay anh V và chị S mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Ông đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho anh V và chị S để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 và Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017. Ông đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo đề nghị của chị S, anh V và các cháu. Chị S đề nghị giao cho anh V nuôi cháu N, còn giao cho chị nuôi cháu L. Trong thời gian chị S lao động tại nước ngoài chị ủy quyền cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, ông hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu anh V và chị S phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con với ông.

- Tại Công văn số 2296/XNC-Đ1 ngày 30/3/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh- Công an thành phố H xác định: Chị Nguyễn Thị S xuất cảnh gần nhất ngày 21/02/2026 bằng hộ chiếu số C5528095 quả của khẩu SBQT Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; Anh Trần Văn V xuất cảnh gần nhất ngày 23/6/202 bằng hộ chiếu số E01101559 qua cửa khẩu S1, nhập cảnh trở lại ngày 30/10/2025 bằng hộ chiếu trên qua cửa khẩu S2.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ

khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị S ly hôn anh V. Về con chung: Xử giao con chung là Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; giao con chung là Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017 cho anh Trần Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị S, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Tạm giao con chung Trần Quang L cho ông Lê Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nguyễn Thị S lao động tại nước ngoài. Chị S, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn - anh Trần Văn V đăng ký thường trú tại Tổ dân phố số C-B, phường C, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị S khởi kiện xin ly hôn anh V và đề nghị giải quyết việc nuôi con, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, đều đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Trần Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết

hôn tại ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 31/3/2015. Do vậy, hôn nhân của chị S và anh V là hợp pháp. Sau hai năm chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Hội đồng xét xử thấy rằng việc vợ chồng chị S, anh V từ năm 2022 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị S xin ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 và Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017. Cả chị S, anh V, ông C đều có quan điểm đề nghị giao cháu L cho chị S nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh V nuôi dưỡng và tạm giao cháu L cho ông C chăm sóc trong thời gian chị S không có mặt ở Việt Nam. Hiện tại, chị S, anh V, ông C đều đủ điều kiện về kinh tế đề nuôi dưỡng cháu L và cháu N. Quan điểm của chị S, anh V, ông C phù hợp nguyện vọng cháu L, cháu N và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của các bên. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc giao con theo sự thống nhất của các đương sự để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Chị S, anh V, ông C đều có quan điểm không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con với nhau. Đây là ý kiến tự nguyện của chị S, anh V, ông C, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Chị S không trực tiếp nuôi cháu N, anh V không trực tiếp cháu L, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị S, anh V thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S ly hôn anh Trần Văn V.

- Về con chung: Có 02 con chung.

Xử giao con chung là Trần Quang L, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; giao con chung là Trần Quang N, sinh ngày 24/02/2017 cho anh Trần Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị S, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Tạm giao con chung Trần Quang L cho ông Lê Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Nguyễn Thị S lao động tại nước ngoài.

Chị S, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0002601 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Chị S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết. Anh V1, ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc ,bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 09-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Giang